CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sông Đà 4

Ngày 30/09/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	27.8%	**9.5%**	**-**

DT thuần
Q3/25
31.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.80| -8.0%
YoY: ▼10.1| -24.2%

LN thuần
Q3/25
-2.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40| -280%
YoY: ▼2.81| -14027%

LN sau thuế
Q3/25
-3.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.72| -4135%
YoY: ▼3.22| -546%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
28.4%
YoY: +/-▲ 17.3%

ROE (TTM)
Q3/25
272%
YoY: +/-▼ 65.9%

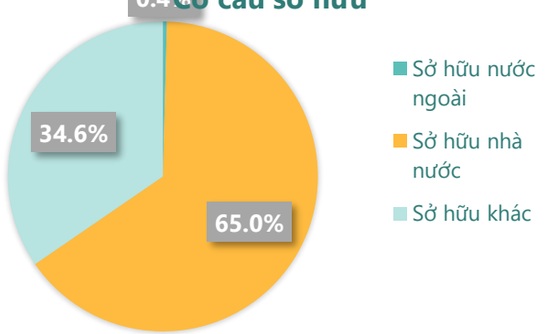
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 3,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
Số lượng CPLH (CP)	10,300,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	735
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.72
EPS	-1,701
P/E	-1.4

DT thuần
9T 2025
86.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.4| -20.4%

LN thuần
9T 2025
-5.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.4| 81.3%

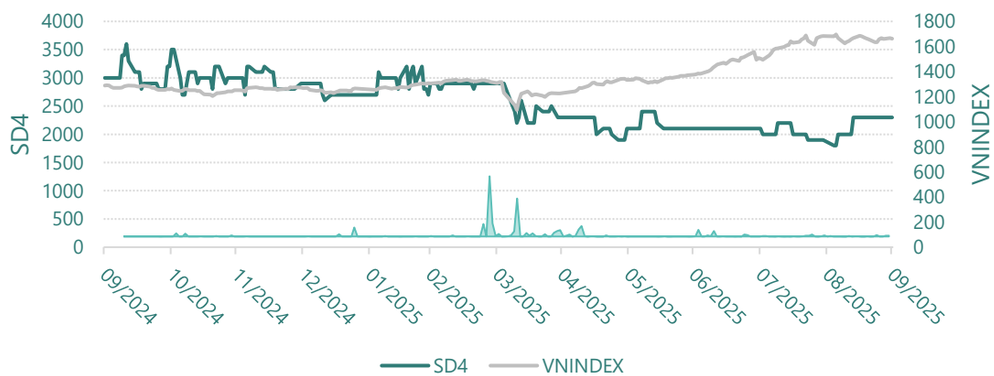
LN sau thuế
9T 2025
-7.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.2| 75.2%

Cơ cấu sở hữu

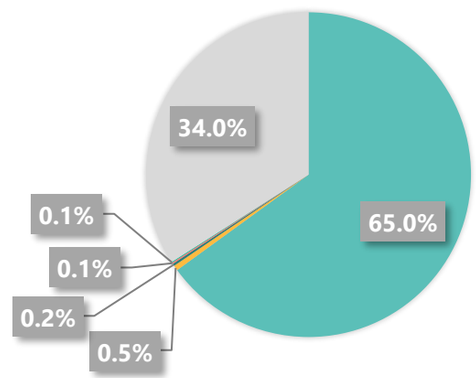


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



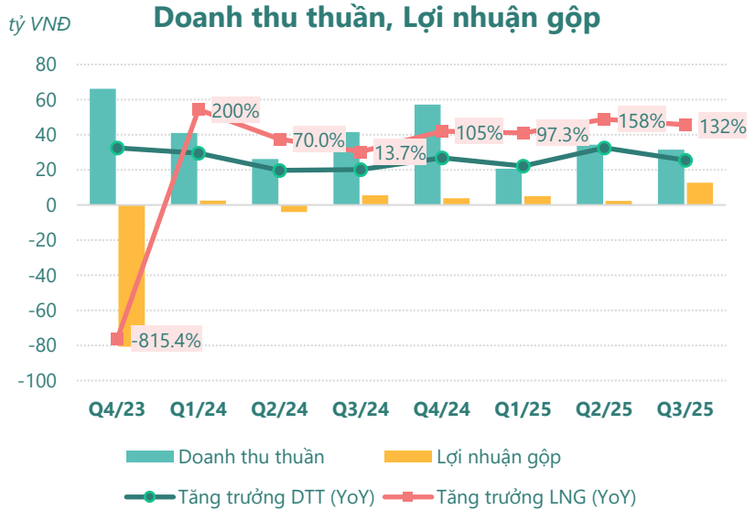
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

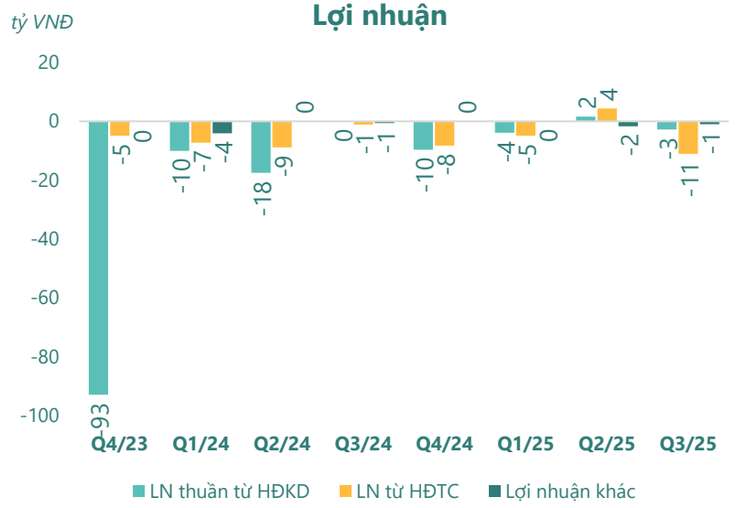
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



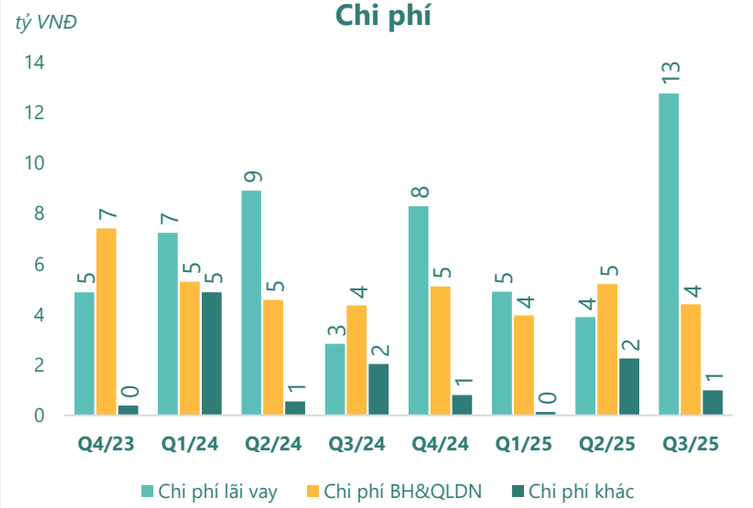
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



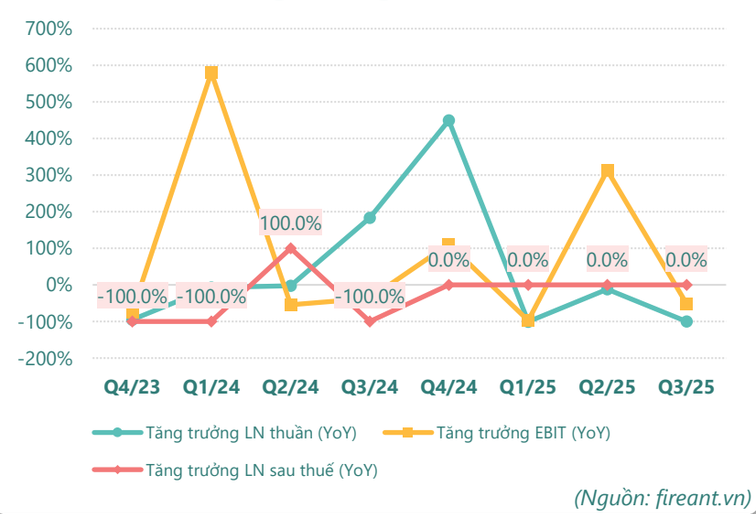
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



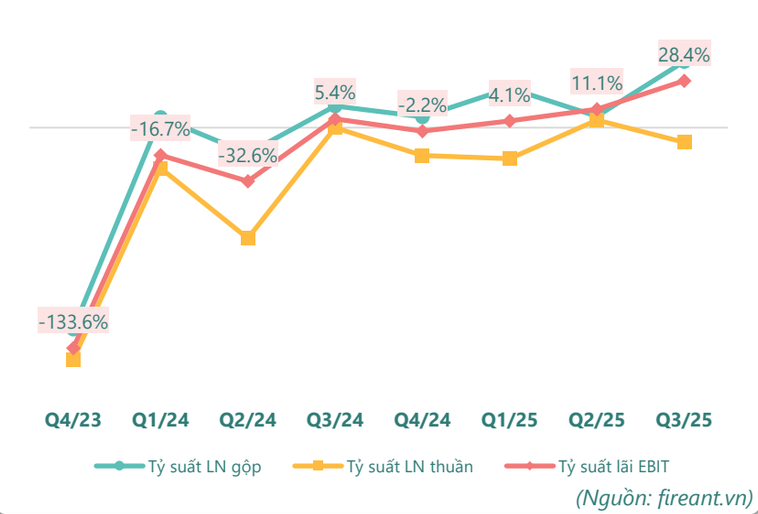
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



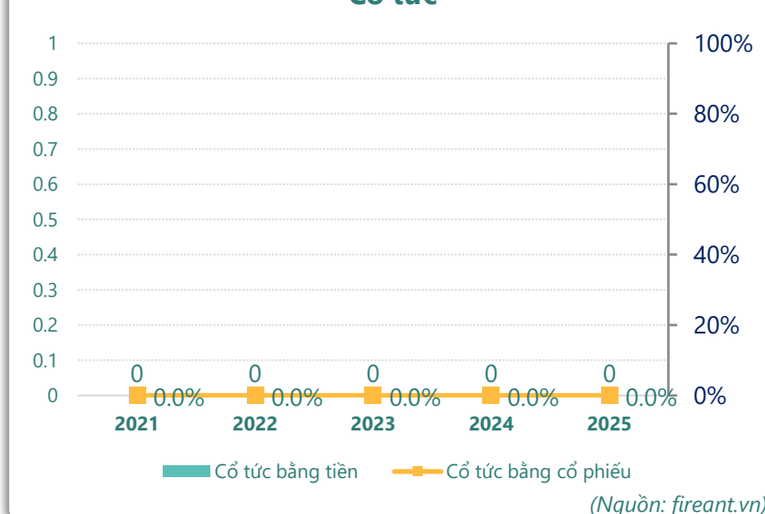
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

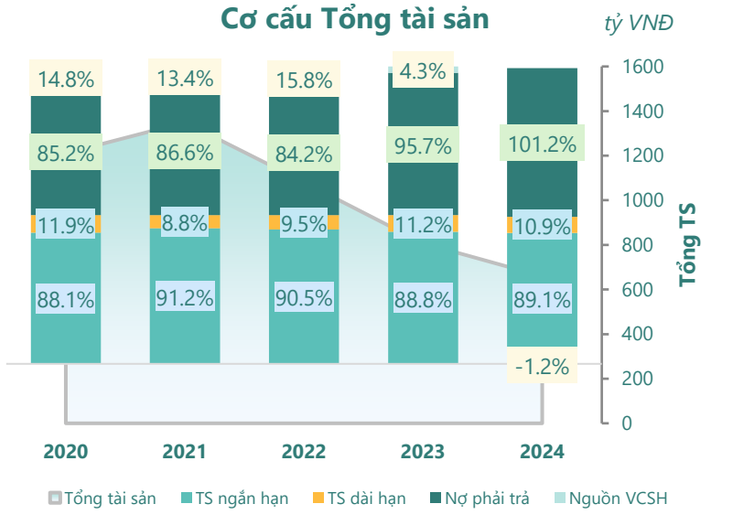
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

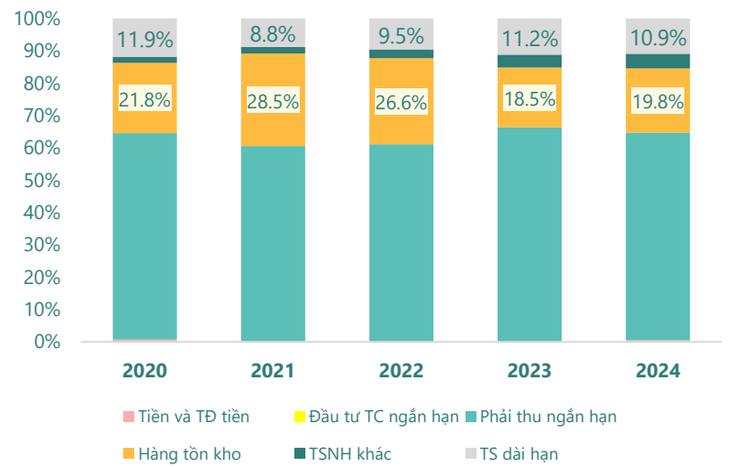
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



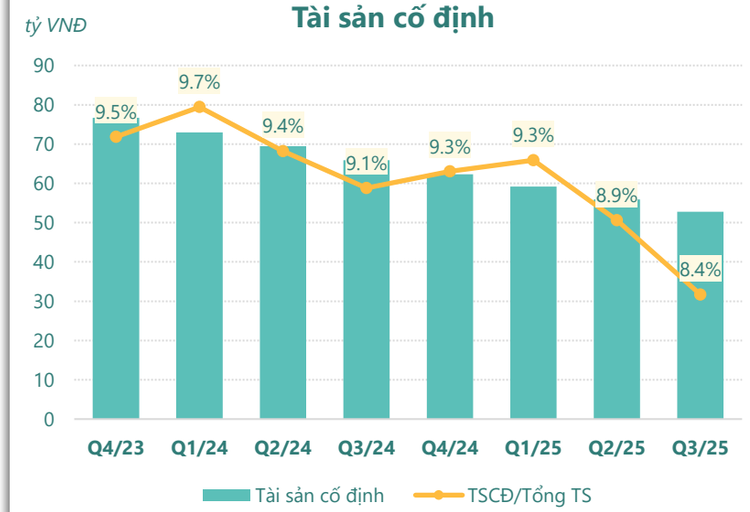
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



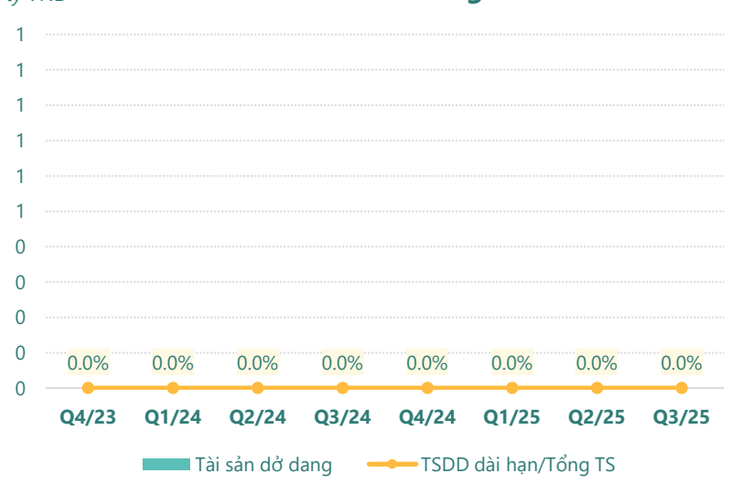
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



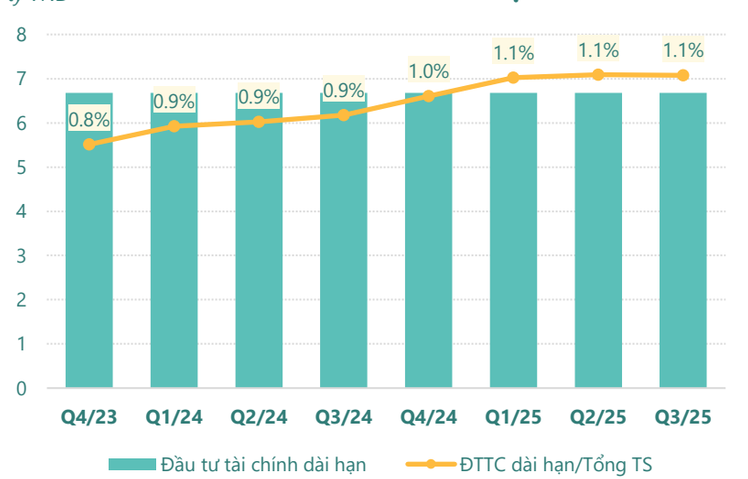
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



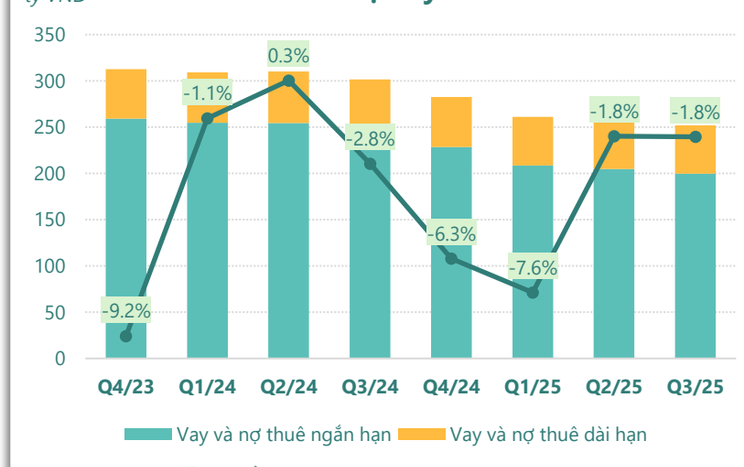
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

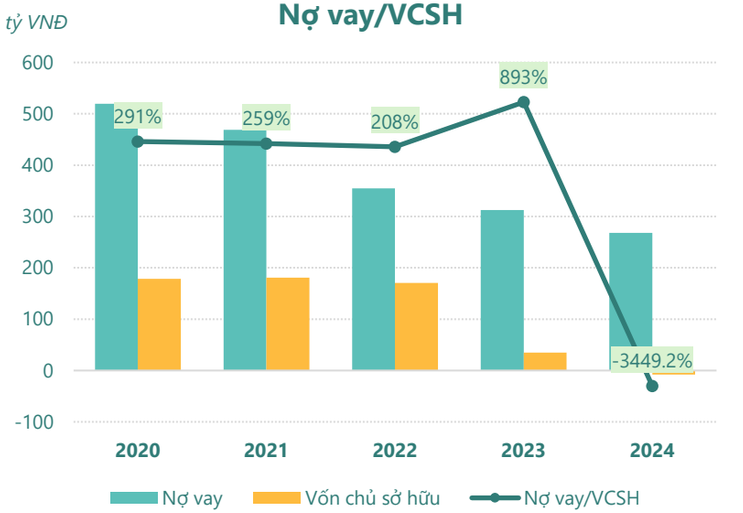
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

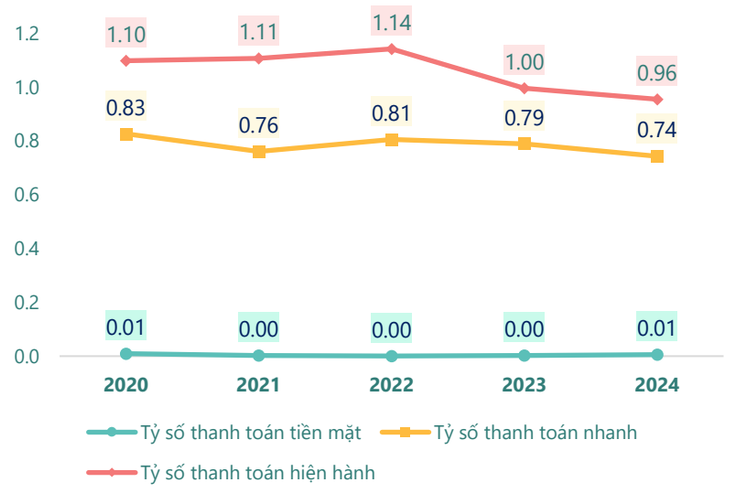
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



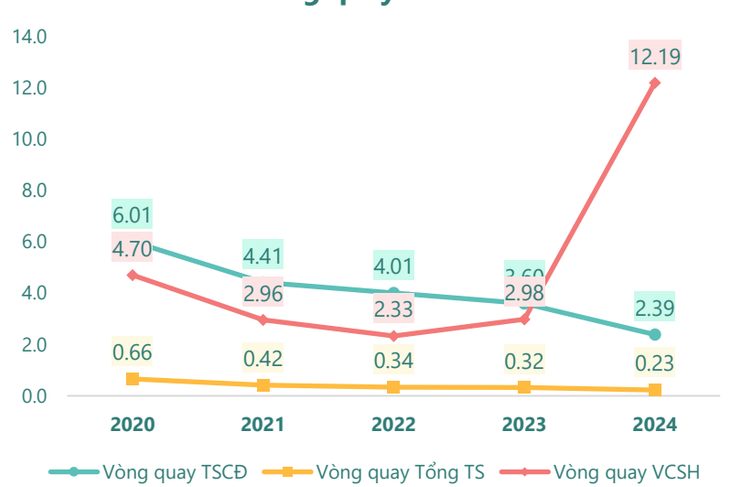
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



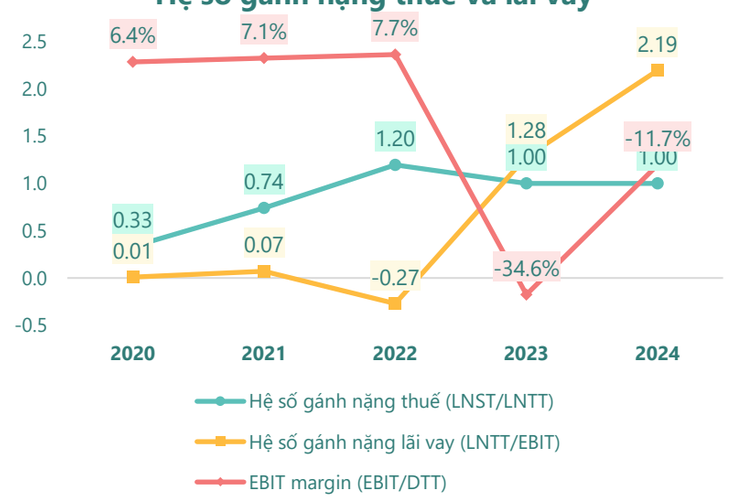
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



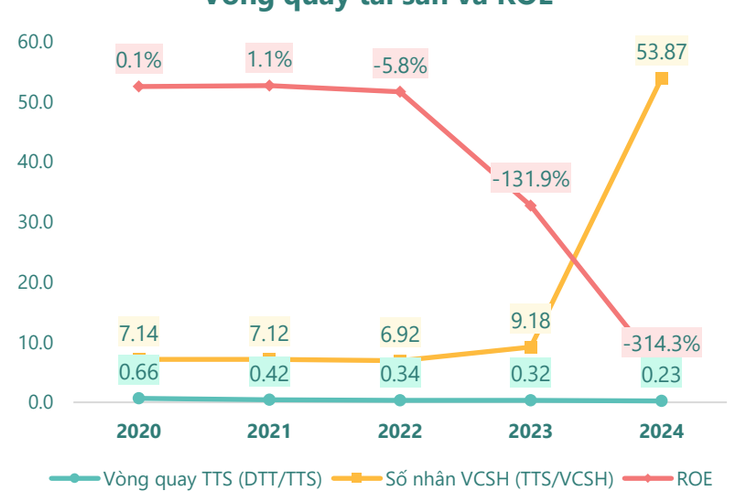
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



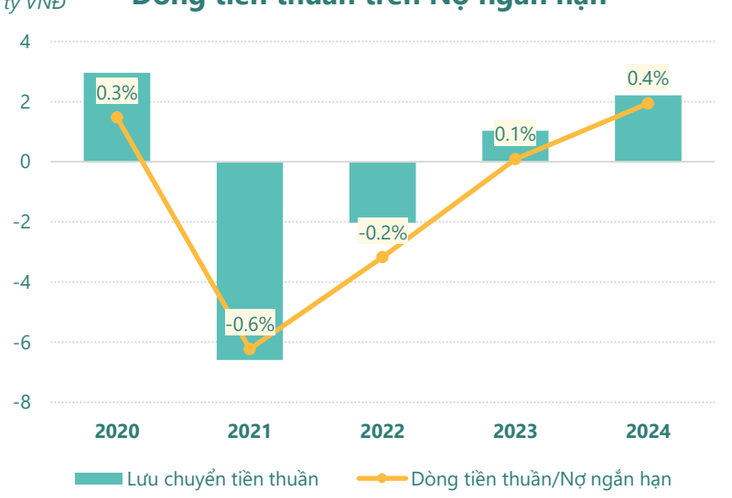
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.5**	**41.6**	**-24.2%**	**86.6**	**109**	**-20.4%**
Giá vốn hàng bán	18.9	36.1	-47.7%	66.6	105	-36.5%
Lợi nhuận gộp	12.7	5.44	133%	20.0	3.88	415%
Doanh thu HĐTC	0.00	1.73	-100.0%	10.0	1.73	478%
Chi phí TC	11.1	2.83	291%	21.6	19.0	13.7%
Chi phí lãi vay	12.8	2.83	351%	21.6	19.0	13.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.40**	**4.35**	**1.2%**	**13.6**	**14.2**	**-4.7%**
LN thuần từ HĐKD	-2.83	-0.02	-14027%	-5.18	-27.6	81.3%
Lợi nhuận khác	**-0.99**	**-0.58**	**-70.0%**	**-2.78**	**-4.52**	**38.6%**
LN trước thuế	-3.81	-0.59	-546%	-7.95	-32.1	75.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.81**	**-0.59**	**-546%**	**-7.95**	**-32.1**	**75.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.81**	**-0.59**	**-546%**	**-7.95**	**-32.1**	**75.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.91	8.33	18.8	4.05	7.26	3.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	1.28	2.56	0.00	0.00	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.01	-9.94	-19.2	-7.64	-5.85	-5.00
Tiền đầu kỳ	1.83	1.89	1.55	3.72	0.13	1.54
Lưu chuyển tiền thuần	**0.06**	**-0.33**	**2.17**	**-3.59**	**1.41**	**-0.92**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.89	1.55	3.72	0.13	1.54	0.62

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**629**	**659**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	570	587	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	0.62	3.72	-83.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	414	423	-2.3%
Hàng tồn kho	124	130	-4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	31.4	30.1	4.5%
Tài sản dài hạn	**59.5**	**71.8**	**-17.2%**
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	6.4%
Tài sản cố định	52.8	62.3	-15.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.68	6.68	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**2.76**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	645	667	-3.3%
Nợ ngắn hạn	**593**	**615**	**-3.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	200	216	-7.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	156	170	-8.3%
Nợ dài hạn	52.1	52.2	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	52.1	52.2	-0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-15.7**	**-7.78**	**-102%**
Vốn chủ sở hữu	**-15.7**	**-7.78**	**-102%**
Vốn điều lệ	103	103	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)